

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN THÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tân Thái, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV
năm 2023 của UBND xã Tân Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thái tại kỳ họp thứ 5 khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026,

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách xã quý IV năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023 của UBND xã Tân Thái.

(Theo các biểu 113,114,115/CKTC-NSNN và thuyết minh kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân Thái, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Lưu: VT-UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Hà

THUYẾT MINH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

*(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024
của UBND xã Tân Thái)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thái tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026;

UBND xã Tân Thái thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý IV năm 2023 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách xã quý IV năm 2023 (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 4.551.034.004 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 11.522.000 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 282.415.72 đồng

+ Thu bổ sung: 4.179.915.000 đồng

+ Thu kết dư: 77.181.000 đồng

- Tổng số chi: 4.384.524.403 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 2.171.300.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 2.213.224.814 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 0 đồng

2. Ước thực hiện thu ngân sách xã quý IV năm 2023 (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã quý IV năm 2023: 4.551.034.004 đồng/5.528.730.000 đồng đạt 82,32% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã quý IV năm 2023 thực hiện là: 293.937.742 đồng/297.000.000 đồng đạt 98,96 % so với dự toán HĐND xã giao.

3. Ước thực hiện chi ngân sách xã quý IV năm 2023 (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã quý IV năm 2023 là: 4.384.524.403 đồng/5.528.730.000 đồng đạt 79,30% kế hoạch giao.

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 2.171.300.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 2.213.224.814 đồng

4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý IV năm 2023

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã quý IV năm 2023 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách quý IV năm 2023 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.528.730	4.551.034,004	82,32
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	82.000	11.522	14,05
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	215.000	282.415,742	131,36
3	Thu bổ sung	4.651.022	4.179.915	89,87
	- Thu bổ sung cân đối	4.651.022	1.129.422	24,28
	- Thu bổ sung có mục tiêu		3.050.493	
4	Thu kết dư		77.181	
5	Thu chuyển nguồn	580.708	-	
II	TỔNG SỐ CHI	5.528.730	4.384.524,403	79,30
1	Chi đầu tư phát triển	-	2.171.300	
2	Chi thường xuyên	4.791.551	2.213.224,814	46,19
3	Dự phòng	90.000		
4	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	66.471		
5	Chi chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	580.708		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH QUÝ IV NĂM 2023		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.859.730	5.528.730	5.466.197,904	4.551.034,004	93,28	82,32
I	Các khoản thu 100%	82.000	82.000	11.522	11.522	14,05	14,05
	Phí, lệ phí	27.000	27.000	8.508	8.508	31,51	31,51
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp						
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đông góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	55.000	55.000	3.014	3.014		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	546.000	215.000	1.274.760,904	282.415,742	233,47	131,36
1	Các khoản thu phân chia	70.000	70.000	214.919,578	214.919,578	307,03	307,03
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			3.438,628	3.438,628		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			1.400	1.400		
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	70.000	70.000	210.080,950	210.080,950	300,12	300,12
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	476.000	145.000	1.059.841	67.496	222,66	46,55

	Thuế hé khoán cè Ònh	145.000	145.000	17.575,313	67.496,164	12,12	46,55
	Thuế TNCN tổ thuế CN bết Òng sñ	260.000	-	1.033.278,038	-		
	Thuế TNCN tổ SXKD	71.000	-	8.987,975	-		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	580.708	580.708	-	-		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				77.181		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.651.022	4.651.022	4.179.915	4.179.915	89,87	89,87
	- Thu bổ sung cân đối	4.651.022	4.651.022	1.129.422	1.129.422	24,28	24,28
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	3.050.493	3.050.493		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH QUÝ III NĂM 2023			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.528.730	-	5.528.730	4.384.524,814	2.171.300	2.213.224,814	79,30		45,22
1	Chi giáo dục	-			-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	48.276		48.276	94.580		94.580			
4	Chi văn hóa thông tin	31.500		31.500	101.634		101.634	322,65		322,65
5	Chi phát thanh truyền hình	-		-						
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	4.728		4.728	21,01		21,01
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	-					
8	Chi hoạt động kinh tế	31.500		31.500	226.200		226.200			
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.578.566		4.578.566	3.930.982,814	2.171.300	1.759.682,814	85,86		38,43
10	Chi cho công tác xã hội	79.209		79.209	26.400		26.400	33,33		33,33

11	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	66.471		66.471	-					0,00
12	Dự phòng ngân sách	90.000		90.000	-					0,00
13	Nguồn CCTL năm 2022 chuyển sang	580.708		580.708						0,00

